

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2021/DS-ST**
Ngày 03/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo

2. Bà Lý Thị Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 112/2020/TLST-DS, ngày 19/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 16/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 01/02/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 6, tổ 6, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

* *Bị đơn:* - Ông **Dương Phú T**, sinh năm 1944

Địa chỉ: Số nhà 40, tổ 9, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

- Bà **Vương Thị T**, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số nhà 40, tổ 9, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Chị **Dương Thu H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 40, tổ 9, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Bùi Thị L trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên tháng 10/2018 bà L có cho vợ chồng bà Vương Thị T, ông Dương Phú T và con gái ông T, bà T là chị Dương Thu H vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), khi vay có viết giấy vay tiền, nội dung giấy vay tiền hẹn 03 tháng sau trả nhưng đến hạn thanh toán nợ, bà T, ông T, chị H vẫn chưa trả được cho bà L đồng

nào. Bà L khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bà T, ông T, chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà L khoản tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính từ tháng 01 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 01/10/2020 là 10 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng là 10 tháng = 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Tại biên bản làm việc ngày 08/01/2021 bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Dương Phú T, yêu cầu bà Vương Thị T và chị Dương Thu H phải thanh toán khoản tiền gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và lãi suất chậm trả là 0,8%/tháng tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị Thu H khai chị H là con gái của ông Dương Phú T và bà Vương Thị T, năm 2018 chị H và bố mẹ của chị H có vay tiền của bà L, khi vay có viết giấy vay tiền. Chị H nhất trí trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà L là 1%/tháng tính từ 01/01/2020 đến tháng 10/2020 là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nhưng không nhất trí trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tiền gốc vì xác định chỉ được vay 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), chị H không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ông Dương Phú T khai ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, và được tiếp cận giấy vay tiền do bà L giao nộp cho Tòa án, ông xác định ông không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) mà bà L yêu cầu ông T, bà T, chị H phải trả vì lý do giấy vay tiền chỉ có chữ ký của bà T và chị H.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Vương Thị T, bà T nhận trách nhiệm cùng chị H thanh toán khoản nợ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền gốc đã vay của bà L và xin không phải trả lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm, không có thu nhập ổn định, sổ lương đã cầm ngân hàng để vay tiền cho chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng chị H, ông T, bà T không đến Tòa theo giấy triệu tập của tòa án, Tòa án đã tiến hành xác minh niêm yết các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu bà T và chị H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T và chị H chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Bùi Thị L đề nghị HĐXX giải quyết, chị Dương Thu H và bà Vương Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Vụ án về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Vương Thị T và chị Dương Thu H có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị L 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), trong đó bà Vương Thị T phải trả 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), chị Dương Thu H phải trả 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn cư trú tại thành phố T. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã giao nộp giấy vay nợ gốc, bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Bùi Thị L yêu cầu bà Vương Thị T và chị Dương Thu H phải trả số tiền gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và đề nghị HĐXX tuyên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T và chị H chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc vay tiền giữa bà Bùi Thị L và bà Vương Thị T, chị Dương Thu H được lập thành văn bản là giấy vay tiền bà L đã giao nộp cho Tòa án, nội dung: Chị Dương Thu H, bà Vương Thị T, ông Dương Phú T vay của bà L 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tuy nhiên giấy vay tiền không có chữ ký của ông T, ông T xác định không có trách nhiệm trả nợ cho bà L. Trên cơ sở giấy vay tiền do bà L giao nộp và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, HĐXX xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án HĐXX xét thấy, bà Vương Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn tiền án phí, chị Dương Thu H không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Do vậy,

bà Vương Thị T không phải chịu án phí của vụ án, chị Dương Thu H phải chịu 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà L không phải chịu án phí của vụ án, trả lại bà Bùi Thị L số tiền 1.375.000đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) bà L đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 463, 466; 468; 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Vương Thị T và chị Dương Thu H phải trả cho bà Bùi Thị L 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền gốc, trong đó bà Vương Thị T phải trả 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), chị Dương Thu H phải trả 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Dương Thu H phải chịu phải chịu 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Bùi Thị L không phải chịu án phí. Trả lại bà Bùi Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng (*Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000656 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn - bà Bùi Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 03/3/2021; Bị đơn - bà Vương Thị T, ông Dương Phú T và chị Dương Thu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo - Lý Thị Nhân

Vương Thị Lan

HỘI THẨM NHÂN CÁC DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Hữu Bình - Lý Thị Nhân

Vương Thị Lan

